

VI TRÍ CỦA VIỆT NAM TRONG CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG CỦA MỸ HIỆN NAY

★ TS NGUYỄN THỊ THANH XUÂN

Học viện Quốc tế,

Bộ Công an

● **Tóm tắt:** Trong Báo cáo Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPSR) công bố tháng 6-2019, cùng với việc chỉ ra bốn thách thức lớn đối với lợi ích an ninh quốc gia của Mỹ, chính quyền của Tổng thống D. Trump đã nhấn mạnh sẽ “xây dựng quan hệ đối tác chiến lược” với Việt Nam để bảo vệ lợi ích, an ninh quốc gia của Mỹ cũng như của đồng minh và đối tác. Điều này cho thấy, Mỹ coi trọng hợp tác với Việt Nam, muốn nâng cấp quan hệ từ “đối tác toàn diện” lên “đối tác chiến lược”. Với vị trí của Việt Nam trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ, Việt Nam có thể tranh thủ cơ hội và hạn chế thách thức để bảo đảm lợi ích, an ninh quốc gia.

● **Từ khóa:** Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, đối sách của Việt Nam.

1. Khái quát chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và lợi ích của Mỹ

Trong bài phát biểu “Tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” tại Hội nghị thượng đỉnh lãnh đạo các nền kinh tế APEC (tổ chức tại Đà Nẵng, tháng 11-2017), Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương lần đầu tiên được nhắc đến là khu vực địa chiến lược rất quan trọng của Chính quyền Tổng thống Mỹ D. Trump. Trong gần hai năm qua, Mỹ đã dần làm rõ nội hàm và hiện thực hóa Tầm nhìn này qua hàng loạt các văn bản chiến lược như: Chiến lược An ninh Quốc gia (NSS), Chiến lược

Quốc phòng (NDS), Đạo luật Sáng kiến Tái bảo đảm châu Á (ARIA) và Báo cáo Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Bộ Quốc phòng Mỹ.

Với khẩu hiệu “Chuẩn bị sẵn sàng, Quan hệ đối tác và Thúc đẩy một khu vực kết nối”, trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, Mỹ rất coi trọng việc làm sâu sắc hơn quan hệ với đồng minh và xây dựng các đối tác “có thực lực”, trong đó có Việt Nam. Mỹ chủ động tìm kiếm các cơ hội mới để thúc đẩy hợp tác đa phương thực chất hơn cũng như sẽ đẩy mạnh can dự với các cơ chế khu vực hiện có. Được xác định là địa bàn

ưu tiên chiến lược, Mỹ sẽ đầu tư cho an ninh, kinh tế và phát triển, sẽ thể hiện mạnh hơn sự cam kết đối với các đồng minh và đối tác nhằm hướng tới một khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương an toàn, ổn định, tự do và thịnh vượng dựa trên các nguyên tắc chung với tất cả các quốc gia lớn nhỏ.

Về chính trị, Mỹ nhấn mạnh 2 giá trị là tự do và rộng mở. Mỹ ủng hộ tự do cho mọi quốc gia, ủng hộ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mọi quốc gia, bất kể lớn nhỏ.

Về an ninh - quốc phòng, Mỹ duy trì quyền được tiếp cận không hạn chế tới các vùng hải phận, không phận của các quốc gia trong khu vực; đồng thời hướng tới giải quyết các tranh chấp trên cơ sở hòa bình, cam kết sẽ không áp đặt và ngăn chặn tham vọng bá quyền của bất kỳ quốc gia nào trong khu vực.

Về kinh tế, Mỹ khẳng định cạnh tranh công bằng với tất cả các bên, theo đuổi thương mại và đầu tư tự do, bình đẳng và cùng có lợi. Mỹ cam kết không theo đuổi các lợi ích kinh tế của mình nếu những lợi ích này gây hại cho các quốc gia khác; phản đối các nhà nước thực hiện chính sách kinh tế bẫy nợ, vơ vét về kinh tế⁽¹⁾ ...

Về nguyên tắc chung, Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tuân thủ theo những nguyên tắc cơ bản mà các chính quyền trước đây đã nêu, cụ thể là tự do và rộng mở, hòa bình, ổn định, trật tự dựa trên pháp luật. Cơ sở xác định các nguyên tắc này là lợi ích quốc gia của Mỹ, được làm rõ trong Báo cáo Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương⁽²⁾: *Một là*, bảo vệ Dân tộc, Quốc gia và lối sống Mỹ khỏi các cuộc tấn công trên lãnh thổ Mỹ với bốn nhiệm vụ ưu tiên cụ thể: (i) Bảo vệ lãnh thổ trong phạm vi biên giới quốc gia; (ii) Duy trì vị thế quân sự áp đảo của Mỹ ở phạm vi toàn cầu; (iii) Duy trì cân bằng quyền lực có lợi cho Mỹ tại những khu vực quan

trọng; (iv) Thúc đẩy trật tự thế giới thuận lợi cho việc duy trì an ninh và thịnh vượng Mỹ; *Hai là*, thúc đẩy thịnh vượng của Mỹ bằng việc xây dựng các quan hệ kinh tế trên cơ sở công bằng, có đi có lại, hiệu quả, và giải quyết vấn đề thâm hụt thương mại; *Ba là*, duy trì hòa bình bằng sức mạnh: tái cơ cấu lực lượng quân đội nhằm duy trì thế áp đảo; làm sâu sắc các mối quan hệ với đồng minh, đối tác; tin tưởng rằng các quốc gia này sẽ cùng Mỹ chia sẻ gánh nặng trách nhiệm trong bảo đảm an ninh khu vực; *Bốn là*, nâng cao tầm ảnh hưởng của Mỹ thông qua các hoạt động cạnh tranh và lãnh đạo tại các tổ chức đa phương trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia và các nguyên tắc của Mỹ.

Báo cáo Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ cũng đã xác định rất rõ *bốn thách thức lớn đối với lợi ích an ninh quốc gia của Mỹ* là: Trung Quốc, Nga, Bắc Triều Tiên và các vấn đề an ninh xuyên quốc gia.

2. Việt Nam trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ

Về chính trị và an ninh, kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ, vai trò đối tác của Việt Nam với Mỹ ngày càng trở nên quan trọng. Điều này là hệ quả tất yếu của hai yếu tố: *Thứ nhất*, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ và năng lực ngoại giao đa phương đã nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Điển hình là việc Việt Nam rất chủ động trong việc xây dựng đồng thuận ASEAN và phát huy vai trò là người dẫn dắt các thể chế quốc tế mà ASEAN có vai trò trung tâm. Việt Nam đã có những đóng góp rất quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động của Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+) và đặc biệt khuyến khích sự tham gia của Mỹ tại Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS). Uy tín của Việt Nam tại Liên Hợp quốc đã được cộng đồng quốc tế đánh giá rất cao nhờ những

thành công trong các hoạt động gìn giữ hòa bình, vai trò thành viên không thường trực tại Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009 và hiện nay là nhiệm kỳ 2020-2021. Năm 2014, Việt Nam đã ủng hộ Các nguyên tắc Ngăn chặn trong Bộ Sáng kiến Phổ biến An ninh của Mỹ. Thứ hai, Việt Nam có quan hệ tốt với nhiều đối tác hợp tác của Mỹ và cả những nước mà Mỹ coi là “đối thủ” trong khu vực như Mỹ đã nhiều lần nêu tên trong các văn bản chiến lược (NSS, NDS, Báo cáo về Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương) là Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và Nga. Ngoài ra, Việt Nam cũng có quan hệ chính trị, thương mại, văn hóa tốt với hai đồng minh truyền thống của Mỹ là Nhật Bản và Hàn Quốc. Trong thời gian tới, Mỹ sẽ chú trọng vào những điểm tương đồng về lợi ích giữa hai nước, tranh thủ năng lực ngoại giao, mối quan hệ truyền thống của Việt Nam với các đồng minh mới trong khu vực để gây tác động ảnh hưởng, thúc đẩy những quan điểm, chính sách có lợi cho Mỹ trong khu vực.

Trong Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, có thể dễ dàng nhận thấy Trung Quốc là đối tượng mục tiêu mà Mỹ hướng tới, còn Việt Nam sẽ đóng vai trò “đối tác quan trọng” như một dây cương hỗ trợ Mỹ kìm giữ sự trỗi dậy của Trung Quốc. Mỹ cũng xác định Việt Nam là một trụ cột trong hợp tác của Mỹ với ASEAN, coi ASEAN và Việt Nam là bộ phận quan trọng trong chính sách duy trì an ninh, hòa bình, hợp tác và phát triển ở Đông Nam Á nói riêng và châu Á - Thái Bình Dương nói chung⁽³⁾. Tận dụng những vấn đề tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc trên Biển Đông và chính sách mở cửa hội nhập của Việt Nam trong thời điểm hiện tại, Mỹ tranh thủ, lôi kéo Việt Nam tham gia vào chiến lược của Mỹ hoặc phần nào đó Mỹ sẽ giành lại thế cân bằng khu vực bằng việc đẩy mạnh quan hệ tích cực với Việt Nam và các nước ASEAN. Điều

mà Mỹ muốn là tạo lại thế cân bằng mới trong khu vực.

Trong vấn đề về Biển Đông, nơi diễn ra tranh chấp chủ quyền gay gắt, Mỹ vẫn sẽ tiếp tục thể hiện sự hiện diện quân sự của mình ở khu vực này nhằm bảo đảm tự do hàng hải. Có thể thấy, vấn đề được quan tâm và ưu tiên giải quyết của nước Mỹ dưới thời Tổng thống D. Trump là khác so với người tiền nhiệm, nhưng mục tiêu tiếp tục duy trì tiếng nói, vị thế và vai trò trung tâm của siêu cường trong việc giải quyết các vấn đề của khu vực là không thay đổi.

Về kinh tế - thương mại: Các tổ chức quốc tế như WB, IMF, Cục Dân số Liên Hợp quốc, ASEAN, UNCTAD, ILO đều đánh giá Việt Nam đang là nền kinh tế mới nổi năng động nhất trong khu vực ASEAN đạt được thành tựu phát triển mạnh mẽ trên ba phương diện: kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhân khẩu học. Trong đó, GDP của Việt Nam được dự báo sẽ đạt 327 tỷ USD vào năm 2022, mức tăng trưởng GDP thực tế là 6,2% hàng năm trong giai đoạn 2016-2022⁽⁴⁾.

Việt Nam là một trong số ít các quốc gia ASEAN liên tục đạt được sự tăng trưởng tích cực về FDI trong những năm gần đây. Tính từ năm 1991 - 2019, FDI vào Việt Nam trung bình đạt 6,43 tỷ USD, riêng năm 2018 đạt 19,1 tỷ USD⁽⁵⁾. Việt Nam hiện có 130 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp với tổng số vốn đăng ký hơn 340 tỷ USD, trong đó Mỹ có 900 dự án có hiệu lực với khoảng 9 tỷ USD.

Trong 25 năm, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Mỹ tăng gần 133 lần, từ 450 triệu USD vào năm 1995 lên hơn 60 tỷ USD vào năm 2018. Riêng tháng 1-2019, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam sang Mỹ đạt 5,151 tỷ USD, tăng 42,1% so với cùng kỳ năm 2018. Mỹ hiện là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Trung Quốc và Hàn Quốc) và cũng là nước lớn

duy nhất đạt thặng dư thương mại trong nhiều năm qua. Riêng năm 2018, Việt Nam xuất siêu sang Mỹ gần 35 tỷ USD⁽⁶⁾.

Về giáo dục - đào tạo: Hợp tác giáo dục Việt Nam - Mỹ đã bắt đầu từ trước khi hai nước bình thường hóa quan hệ năm 1995. Việt Nam hiện là nước đứng thứ 8 trên thế giới về số sinh viên đến học tập tại Mỹ. Điều này không chỉ tạo nên một nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam mà còn góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa hai nước. Từ năm 1992, Chương trình Fulbright đã hỗ trợ hơn 500 người Mỹ và gần 700 người Việt Nam học tập, nghiên cứu và giảng dạy. Hiện nay, Mỹ vẫn đang tiếp tục nỗ lực nhằm gia tăng số du học sinh Việt Nam tại Mỹ, bao gồm thành lập Trung tâm Văn hóa Mỹ (American Center) thông qua Viện Giáo dục Quốc tế, mở rộng chương trình Fulbright, tăng cường tìm kiếm đối tác Việt Nam cho các trường đại học và cao đẳng Mỹ. Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh, do đó cần dựa vào một thế hệ tương lai được đào tạo chất lượng. Do vậy, Việt Nam và Mỹ đang đứng trước những triển vọng rất lớn về sự hợp tác giáo dục, đặc biệt là về giáo dục đại học.

3. Cơ hội và thách thức đặt ra đối với Việt Nam

Về chính trị: Trong “Báo cáo Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, Mỹ thể hiện kỳ vọng của mình trong việc hợp tác và xây dựng năng lực đối tác với bên thứ ba trong khu vực, cũng như xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam dựa trên nguyên tắc và lợi ích chung, trong đó có tự do hàng hải, tôn trọng trật tự dựa trên pháp luật phù hợp với Chiến lược Quốc phòng của Mỹ. Đây chính là cơ hội mà Việt Nam cần tận dụng để nâng cao năng lực nội lực của mình.

Một ASEAN đoàn kết mới có thể giúp duy trì một khu vực tự do, mở và tôn trọng luật pháp

quốc tế. Mỹ sẽ tiếp tục tham gia các cơ chế do ASEAN thành lập, như Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng (ADMM+), Cấp cao Đông Á (EAS), APEC và các cơ chế hợp tác ba bên, nhiều bên với các đối tác khác. Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải xác định được vai trò của mình trong năm làm Chủ tịch ASEAN sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức không nhỏ khi phải đưa ra các quan điểm liên quan đến lợi ích của các nước lớn trong khu vực, nhất là ứng xử trong quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, cũng như giải quyết các vấn đề tranh chấp, xung đột giữa các nước nội khối. Do đó, Việt Nam phải thận trọng cân bằng lợi ích chung - riêng giữa các nước trong khu vực, các nước lớn, cũng như lợi ích của chính mình mà vẫn phải bảo đảm môi trường hòa bình, an ninh, phát triển chung của khu vực.

Về kinh tế: Các công ty của Mỹ đã đầu tư hàng tỷ USD tại Việt Nam, tích hợp Việt Nam vào chuỗi cung ứng toàn cầu, tạo việc làm chất lượng cho lao động Việt Nam và mở ra một thị trường mới cho hàng hóa, dịch vụ của Mỹ. Đây là cơ hội lớn để Việt Nam tranh thủ nguồn đầu tư từ Mỹ cho phát triển kinh tế quốc gia, nâng cao vị thế trong khu vực cũng như trên trường quốc tế. Tuy nhiên, đây cũng là một thách thức lớn đối với Việt Nam bởi kinh tế càng phát triển, Việt Nam sẽ càng phải cạnh tranh với các nước lớn khác trong khu vực. Điều này sẽ khiến cho Trung Quốc ngày càng đề cao cảnh giác và tăng cường các biện pháp nhằm hạn chế sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo ra những thời cơ lớn để Việt Nam bứt phá, phát triển, trong việc đổi mới mô hình phát triển, tăng năng suất lao động, góp phần rút ngắn khoảng cách phát triển, tụt hậu giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy

nhiên, Việt Nam cũng cần cân nhắc kỹ mọi khả năng hợp tác để vừa bảo đảm được lợi ích quốc gia, chủ động trong hoạch định chính sách đối ngoại mà không bị chi phối quá nhiều bởi ảnh hưởng của các nước lớn, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc. Tăng cường nội lực vẫn phải là ưu tiên hàng đầu.

Về an ninh - quốc phòng: Trong những đánh giá của Mỹ, Việt Nam luôn nằm trong tổng thể những tính toán chiến lược ở khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Việc phát triển quan hệ với Việt Nam như là một cơ sở quan trọng cho sự hiện diện lâu dài, ổn định ở khu vực này, do đó Việt Nam trở thành một “đối tác” kinh tế và an ninh được đặc biệt quan tâm. Trong bối cảnh chiến lược đó, Việt Nam được đánh giá là một nhân tố có nhiều ý nghĩa, có vị trí chiến lược, chia sẻ nhiều lợi ích chung với Mỹ và là một đối tác tiềm năng, triển vọng. Việt Nam đã được nhắc đến 2 lần trong bản Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ, với vị trí hàng đầu khi được xem là “đối tác an ninh và kinh tế” và vị trí thứ hai sau Singapore khi được xem là “đối tác trên lĩnh vực hàng hải”.

Trong quan hệ song phương của Mỹ ở Đông Nam Á, Mỹ sẽ khôi phục quan hệ đồng minh với Philippines và Thái Lan, thúc đẩy quan hệ đối tác bền vững với Singapore và phát triển quan hệ đối tác mới với các nước chủ chốt ở khu vực, như Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Với Trung Quốc, Mỹ chỉ trích mạnh mẽ việc Trung Quốc quân sự hóa các đảo nhân tạo ở Biển Đông, bao gồm việc triển khai tên lửa đất đối hải, đất đối không, các hệ thống radar gây nhiễu và triển khai máy bay ném bom cỡ lớn...

Như vậy, là đối tác của Mỹ, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội mới để phát triển trong tương lai, cũng có thể trở thành tâm điểm của khu vực. Điều này đồng nghĩa với sự gia tăng mối nghi kỵ

lẫn nhau giữa các quốc gia Đông Nam Á, một thế “tiến thoái lưỡng nan an ninh” có thể dẫn đến một cuộc chạy đua vũ trang trong khu vực.

Sự phát triển năng động của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và quá trình gia tăng vai trò của ASEAN mà Việt Nam là thành viên tích cực, có trách nhiệm, sẽ tạo điều kiện để Việt Nam tăng cường thế và lực của mình. Trong bối cảnh trật tự thế giới mới đang trong quá trình định hình, cục diện khu vực đang chuyển động mạnh mẽ đặt ra nhiều cơ hội để Việt Nam tham gia đóng góp vào luật chơi chung phù hợp với quy định luật pháp quốc tế và lợi ích quốc gia - dân tộc. Trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo, Việt Nam cũng có cơ hội trong việc tranh thủ sự ủng hộ của các nước trong khu vực và quốc tế, nhất là vai trò các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, EU và các nước ASEAN.

Về phần mình, Việt Nam cần tận dụng cơ hội là Chủ tịch ASEAN năm 2020, là Ủy viên không thường trực của Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc năm 2020-2021, nâng cao vị thế của quốc gia trên trường quốc tế; tích cực tăng cường quan hệ ngoại giao với các nước trong khu vực và quốc tế, đặc biệt xây dựng ASEAN đoàn kết, thống nhất, tránh bị chia rẽ nội bộ; cân bằng lợi ích quốc gia, dân tộc; duy trì chính sách mềm dẻo, khôn khéo, trung lập, tránh bị lệ thuộc và ảnh hưởng bởi các nước lớn. Đồng thời, không ngừng quảng bá về lịch sử, văn hóa Việt Nam với bạn bè quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế đối với các vấn đề có liên quan trực tiếp đến lợi ích, an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cần phải cân nhắc đến vai trò của mình trong những vấn đề toàn cầu như việc duy trì an ninh khu vực, hòa bình thế giới,...

Việt Nam có thể làm việc với các đối tác có chung quan điểm để đưa các điểm chính của Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vào

các tuyên bố chung song phương hoặc đa phương. Tiếp tục tăng cường hợp tác chiến lược với các cường quốc, đặc biệt là các thành viên của nhóm Bộ Tứ, nhằm tăng cường an ninh hợp tác trong khu vực và nâng cao vị thế đàm phán của mình trước Trung Quốc.

Trung Quốc đang triển khai mạnh mẽ “Sáng kiến Vành đai và Con đường”, nên khi triển khai các định hướng chiến lược của mình, Việt Nam cần xác định rõ những ngành, nghề mũi nhọn, lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế, khu vực kinh tế tư nhân một cách có chọn lọc để tranh thủ các cơ hội, khai thác tiềm năng của Mỹ, thu hút FDI để phát triển kinh tế trong giai đoạn mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tiếp thu và học tập các sản phẩm công nghệ tiên tiến, hiện đại, phát triển thương mại, du lịch một cách mạnh mẽ.

Để tránh phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường, dù là Trung Quốc hay Mỹ, Việt Nam có điều kiện tranh thủ tận dụng các nguồn lực như nguồn vốn đầu tư, tài chính, nguồn nhân lực chất lượng cao bên ngoài để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng thị trường xuất khẩu, củng cố thị trường trong nước, tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, kêu gọi vốn đầu tư FDI, kêu gọi các quốc gia tăng cường hợp tác trên những lĩnh vực chủ chốt. Thông qua việc thực hiện các cam kết của quá trình hội nhập quốc tế, nhất là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTAs), Việt Nam cần đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh ở ba cấp độ là quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm; đẩy mạnh việc phối hợp giữa Trung ương và các địa phương, bộ ngành và doanh nghiệp trong quá trình hội nhập quốc tế.

Việt Nam cần tận dụng sự tài trợ và tăng cường mua các trang thiết bị quốc phòng tiên

tiến mà Mỹ bán cho các đối tác an ninh khu vực, nắm bắt cơ hội về đào tạo quân sự chuyên nghiệp... để tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Tuy nhiên, để gạt bỏ những nghi kỵ, tránh gây hiểu lầm, mất lòng tin, Việt Nam cần có chính sách hợp tác an ninh chặt chẽ với các nước trong khu vực, đặc biệt là các nước trong ASEAN; nêu rõ quan điểm của mình cho các quốc gia thấy được lợi ích chung của ASEAN chính là sợi dây liên kết chặt chẽ cấu trúc an ninh khu vực. Đồng thời cần thúc đẩy hợp tác với các đối tác an ninh khác trên thế giới để duy trì trật tự khu vực dựa trên quy tắc chung cũng như thúc đẩy một cấu trúc an ninh khu vực không bị chi phối bởi bất kỳ cường quốc nào □

(1), (2) U.S. Department of Defense, *Indo-Pacific Strategy Report: Preparedness, Partnerships, and Promoting a Networked Region*, 1-6-2019. <https://media.defense.gov/2019/Jul/01/2002152311/-1/-1/1/Department-of-Defense-Indo-Pacific-Strategy-Report-2019.PDF>.

(3) Trần Việt Thái: *Nhìn lại chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở và dự báo một số tác động đối với ASEAN* (Viện Nghiên cứu chiến lược - Bộ Ngoại Giao, 2019), tr.77-85.

(4) IMF, *world economic outlook*, 2019, https://www.imf.org/external/datamapper/NGDP_RPCH@WEO/OEMDC/ADVEC/WEOORLD/VN.

(5) Trading Economics, *Vietnam Foreign Investment*, 2019, <https://tradingeconomics.com/vietnam/foreign-direct-investment>.

(6) Diệu Oanh: *Hai mươi lăm năm thương mại và đầu tư Hoa Kỳ - Việt Nam*, Tạp chí *Cộng sản điện tử*, ngày 12-5-2019, <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Doi-ngoai-va-hoi-nhap/2019/54906/25-nam-quan-he-thuong-mai-va-dau-tu-Hoa-Ky.aspx>.